

Tăng trưởng năng suất lao động tại Việt Nam: Tiếp cận từ phân tích tăng trưởng - chia sẻ

- **Huỳnh Ngọc Chương**

Học viên lớp chính sách công chương trình giảng dạy kinh tế Fulbright (FETP)

- **Lê Nhân Mỹ**

Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG HCM - Email: myln@uel.edu.vn

(Bài nhận ngày 16 tháng 11 năm 2015, hoàn chỉnh sửa chữa ngày 23 tháng 3 năm 2016)

TÓM TẮT

Những năm 1990, tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam luôn đạt mức khá cao và ổn định. Một trong những chỉ số quan trọng nhất đo lường chất lượng tăng trưởng kinh tế là sự gia tăng trong năng suất lao động. Bằng phân tích năng suất lao động dựa trên tiếp cận phân tích tăng trưởng - chia sẻ với dữ liệu từ Tổng cục Thống kê và Ngân hàng thế giới, nhóm tác

giả cho thấy chất lượng tăng trưởng năng suất lao động của Việt Nam hiệu ứng tăng trưởng nội ngành đóng một vai trò quan trọng. Tuy vậy, những năm gần đây, chất lượng tăng trưởng năng suất lao động thấp và đề xuất các khuyến nghị cải thiện bằng cách tăng cường độ sâu vốn và công nghệ.

Từ khóa: Tăng trưởng, năng suất, Việt Nam, tăng trưởng - chia sẻ

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Phát triển được hiểu như một quá trình nhiều mặt liên quan đến việc tái tổ chức và tái định hướng toàn bộ các hệ thống kinh tế và xã hội (Todaro, M., 1998, tr.139). Một nền kinh tế phát triển được thể hiện và đo lường bằng nhiều chỉ số khác nhau như: tăng trưởng GDP, chỉ số phát triển con người HDI, thu nhập bình quân đầu người,... Trong đó, chỉ số về năng suất lao động được coi là một chỉ số chắc chắn cho sự phát triển của một nền kinh tế. Đối với các quốc gia đang phát triển như Việt Nam, việc cải thiện hay liên tục gia tăng năng suất lao động được coi là yếu tố sống còn để thúc đẩy sự phát triển, đuổi kịp các quốc gia đi trước. Vì lẽ đó, trong nghiên cứu này, nhóm tác giả thực hiện phân tích thực

trạng tăng trưởng năng suất lao động của Việt Nam trong thời gian qua để xác định những vấn đề hiện trạng trong năng suất lao động các ngành của Việt Nam.

2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN

2.1. Cơ sở lý thuyết về năng suất lao động

Theo khái niệm của tổ chức lao động thế giới ILO & Office (2001) năng suất lao động là tỷ lệ giữa lượng đầu ra trên đầu vào, trong đó đầu ra được tính bằng GDP (tổng sản phẩm quốc nội) hoặc GVA (Tổng giá trị gia tăng - Gross Value Added), đầu vào thường được tính bằng: giờ công lao động, lực lượng lao động và số lượng lao động đang làm việc. Năng suất lao động của một quốc gia trước hết phụ thuộc vào

mức độ hiệu quả sử dụng lao động kết hợp với các yếu tố sản xuất khác, như máy móc và công nghệ và lượng máy móc và công nghệ mà một người lao động của quốc gia đó được sử dụng.

Năng suất lao động được tính theo công thức sau:

Năng suất lao động = Giá trị gia tăng (hoặc GDP) / Số lượng lao động

Theo hướng dẫn về đo lường năng suất của ILO & Office (2001), năng suất lao động dựa trên giá trị gia tăng là thông số phổ biến nhất để tính toán năng suất lao động. Năng suất lao động dựa trên giá trị gia tăng là một chỉ số gián tiếp tốt thể hiện mức độ phát triển của nền kinh tế của một quốc gia. Khi phân tích các thị trường lao động, chỉ số này thường được ưa chuộng hơn chỉ số về GDP trên đầu người (GDP trên đầu người được tính bằng tổng GDP chia cho tổng dân số, bao gồm cả trẻ em và người hưởng lương hưu). Năng suất lao động là một thông số quan trọng làm cơ sở để xác định mức lương.

Để tăng năng suất lao động có hai con đường cho các quốc gia: Một là tăng hiệu quả của các ngành công nghiệp chính bằng cách áp dụng công nghệ mới, nâng cấp máy móc và đầu tư vào đào tạo kỹ năng và đào tạo nghề. Tuy nhiên, năng suất lao động có thể tăng nhiều nhất thông qua con đường thứ hai - chuyển dịch sang các hoạt động có giá trị gia tăng lớn hơn. Bởi vậy, các quốc gia cần chuyển dịch từ nông nghiệp và các ngành dịch vụ cấp thấp sang các ngành chế tạo và các ngành dịch vụ cao cấp. Để làm được điều này, các Chính phủ cần cung cấp cơ sở hạ tầng có chất lượng, hệ thống giáo dục và phát triển kỹ năng tốt, và các doanh nghiệp cần có khả năng đầu tư và nắm bắt cơ hội.

2.2. Phương pháp tiếp cận tăng trưởng - chia sẻ

Theo Syrquin (1988) thì sự thay đổi cấu trúc là một trong các nguồn gốc của tăng trưởng

năng suất nhờ sự dịch chuyển hay tái phân bổ các nhân tố giữa các ngành trong nền kinh tế. Những sự thay đổi đó có thể được đo lường thông qua phương pháp phân tích tăng trưởng - chia sẻ (shift - share analysis). Theo đó tăng trưởng năng suất được phân bổ thành 2 thành phần chính:

Thứ nhất, ảnh hưởng bên trong hay hiệu ứng nội ngành. Đây là ảnh hưởng có được từ sự tăng trưởng năng suất của chính ngành đó.

Thứ hai, tăng trưởng năng suất do sự tái phân bổ giữa các ngành được gọi là hiệu ứng dịch chuyển.

Để đo lường ảnh hưởng từ tác động nội ngành và dịch chuyển thường là chỉ số tỷ trọng của các ngành theo sản lượng hoặc theo lao động trong toàn nền kinh tế.

Barff & III (1988) đã phát triển phương pháp tăng trưởng - chia sẻ từ việc tính toán tĩnh sang tính toán động, theo đó, các tính toán được chú trọng theo từng năm để loại bỏ các sai sót và xác định đúng các hiệu ứng qua thời gian.

Để phân tích khoảng cách trong năng suất lao động giữa các quốc gia và giữa các ngành ở các nước liên hiệp Châu Âu, Esteban (2000) đã sử dụng phương pháp tiếp cận tăng trưởng - chia sẻ. Qua đó, tác giả nhấn mạnh rằng, những khác biệt nội vùng chính là nhân tố chính cho sự khác biệt năng suất giữa các vùng chuyên môn hóa ở Châu Âu.

Theo báo cáo của OECD (2014) quá trình phát triển từ một nền kinh tế có thu nhập thấp, năng suất lao động chủ yếu được tăng trưởng thông qua quá trình dịch chuyển từ khu vực có năng suất thấp sang khu vực có năng suất cao (hiệu ứng dịch chuyển). Hiệu ứng dịch chuyển đóng vai trò quan trọng đối với quá trình phát triển của các quốc gia có thu nhập trung bình như Ấn Độ và Indonesia. Báo cáo này cũng cho thấy một khi quá trình dịch chuyển giảm dần thì

tăng trưởng năng suất chủ yếu đến từ hiệu ứng nội ngành, điều này đã được thể hiện rõ từ dữ liệu các quốc gia OECD. Báo cáo này cũng chỉ ra, tăng trưởng năng suất Trung Quốc đang có được là một hiệu ứng nội ngành dựa trên việc du nhập vốn, tri thức từ đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Trong báo cáo kinh tế Châu Âu năm 2003, nhóm tác giả thực hiện báo cáo đã dùng phương pháp tiếp cận tăng trưởng - chia sẻ để phân tích tăng trưởng năng suất lao động ở Châu Âu từ năm 1981 đến năm 2000 trong mối tương quan so sánh với Mỹ. Từ đó, nhóm thực hiện báo cáo cho rằng, mặc dù năng suất Châu Âu có tăng trong giai đoạn đầu nghiên cứu so với Mỹ nhưng về sau năng suất ở Mỹ tăng nhanh hơn và việc cải thiện năng suất ở Châu Âu nên tập trung vào việc loại bỏ các gánh nặng về luật lệ, thúc đẩy đầu tư vào vốn con người ở Châu Âu.

Theo Molnar & Chalaux (2015) thì tăng trưởng năng suất lao động có thể được phân tách thành 3 thành phần sau: hiệu ứng nội ngành, hiệu ứng dịch chuyển và thành phần tương tác.

Trong đó, hiệu ứng nội ngành dương khi năng suất lao động của khu vực kinh tế ấy là dương và ngược lại; hiệu ứng nội ngành đòi hỏi có sự lan tỏa và phát triển tri thức hay độ sâu trong công nghệ của ngành. Điều này đòi hỏi cần có sự chuyển giao công nghệ từ đầu tư nước ngoài hay việc mua sắm công nghệ của nền kinh

tế, thể hiện nền kinh tế được cấu trúc hay phát triển theo chiều sâu.

Hiệu ứng dịch chuyển đo lường tăng trưởng năng suất nhờ sự dịch chuyển lao động từ khu vực có năng suất thấp sang các khu vực có năng suất cao hơn. Đây là một chỉ báo thể hiện cho quá trình mở rộng nền kinh tế về chiều rộng.

Phản tương tác (hiệu ứng động) hay phần dư thường là âm. Thành phần này chỉ dương khi tăng trưởng năng suất của các khu vực kinh tế diễn ra cùng thời điểm với việc thu hút thêm các nguồn lực.

Trong nghiên cứu này, nhóm tác giả sử dụng nền tảng lý thuyết nguồn gốc sự tăng trưởng năng suất của Syrquin (1988) được hiệu chỉnh và bổ sung thêm từ nghiên cứu của Molnar & Chalaux (2015) vì cách tính này được hiệu chỉnh và tính toán phù hợp với dữ liệu trên quy mô của nền kinh tế.

3. PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH VÀ DỮ LIỆU NGHIÊN CỨU

3.1. Mô hình phân tích

Dựa trên phương pháp phân tích tích tăng trưởng - chia sẻ được đề xuất từ Molnar & Chalaux (2015), theo đó tăng trưởng năng suất lao động có thể được phân tách thành 3 thành phần sau:

$$\Delta P_{it}/P_{it-1} = \sum \Delta P_{it}/P_{it-1} * S_{it-1} + \sum P_{it-1}/P_{t-1} * (L_{it} - L_{it-1}) + \sum 1/P_{t-1} * \Delta P_{it} * \Delta L_{it}$$

[1]

Trong đó: P là năng suất lao động, Si là tỷ trọng sản lượng đầu ra của khu vực kinh tế i, Li là tỷ trọng lao động trong khu vực i trong nền kinh tế.

Thành phần đầu tiên là hiệu ứng nội ngành được tính bằng tỷ lệ tăng trưởng năng suất nội ngành với trọng số là tỷ trọng đầu ra của khu vực kinh tế đó. Các tỷ trọng đầu ra Si của khu

[2]

vực được tính bằng GDP tạo ra của khu vực đó trên tổng GDP của nền kinh tế.

[3]

Thành phần thứ hai là hiệu ứng dịch chuyển được tính bằng tỷ lệ thay đổi của lực lượng lao động với trọng số tỷ trọng năng suất lao động của từng khu vực so với năng suất lao động của cả nước.

Thành phần còn lại là phần tương tác (hiệu ứng động) được đo lường bằng tích số của biến động năng suất và biến động lao động theo trọng số của năng suất lao động kỳ trước đó.

3.2. Phương pháp phân tích dữ liệu

Thông qua các tính toán dữ liệu, nhóm nghiên cứu thực hiện các thống kê mô tả với số quan sát được lấy từ năm 1989 đến 2014.

3.3. Quy trình phân tích dữ liệu

Theo đó, nhóm tác giả thực hiện các bước tập hợp và phân tích dữ liệu trên phần mềm Excel:

Bước 1: Tập hợp dữ liệu thống kê theo các báo cáo của Tổng cục thống kê Việt Nam (GSO) và dữ liệu từ trang thống kê của Worldbank từ năm 1990 - 2014.

Bước 2: Trích lọc và tính toán dựa trên công

thức tính của phương pháp dịch chuyển - cầu phần ở các chỉ số: năng suất lao động (P), tỷ trọng sản lượng đầu ra của 3 khu vực kinh tế (Si), tỷ trọng lao động của mỗi khu vực trong nền kinh tế (Li).

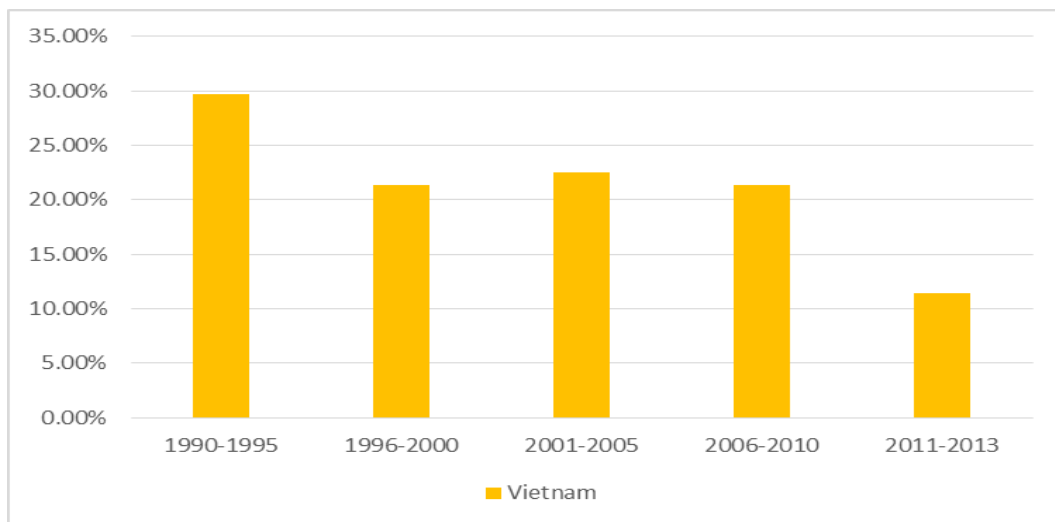
Bước 3: Thực hiện thống kê và vẽ các biểu đồ từ kết quả tính toán.

4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

4.1. Năng suất lao động của Việt Nam giai đoạn 1990 - 2014

Năng suất lao động của nền kinh tế Việt Nam từ năm 1990 đến 2014 tăng khá nhanh. Đến năm 2014 năng suất trung bình của toàn nền kinh tế đạt 1854 USD/lao động tính theo giá 2005, cao hơn so với năm 1990 xấp xỉ 87.3%. Điều này hàm ý rằng trong vòng khoảng 24 năm, năng suất lao động của nền kinh tế tăng gần gấp đôi.

Đơn vị tính: USD



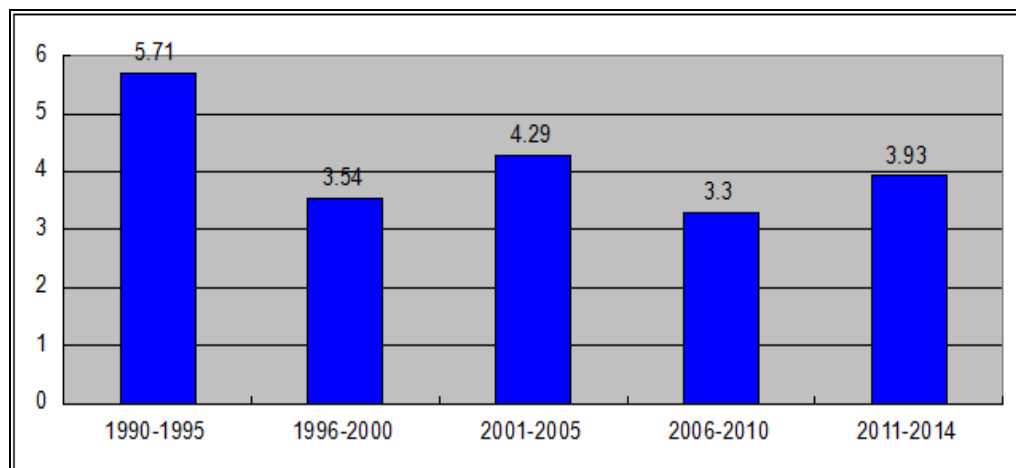
Hình 1. Tăng trưởng năng suất lao động tích lũy giai đoạn 1990 - 2014

Nguồn: Tính toán của tác giả từ số liệu của World Bank

Dù tốc độ năng suất tăng trưởng đáng kể trong giai đoạn 1990 đến 2014, nhưng xét theo từng giai đoạn thì tốc độ tăng trưởng năng suất đã bắt đầu suy giảm, trong giai đoạn 1990 - 1995 mức tăng bình quân cao nhất đạt 5.71%,

các giai đoạn còn lại chỉ đạt mức thấp hơn nhiều, trong đó giai đoạn 2006 - 2010 là thời kỳ năng suất lao động tăng trưởng thấp nhất chỉ đạt trung bình khoảng 3.3% mỗi năm.

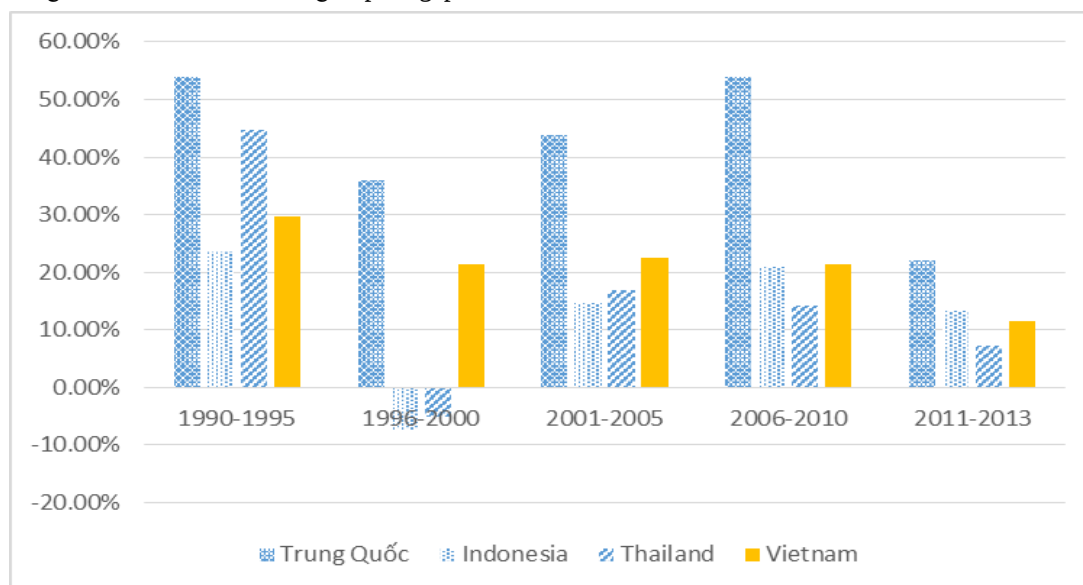
Đơn vị tính: %

**Hình 2. Tốc độ tăng năng suất bình quân qua các giai đoạn**

Nguồn: Tính toán của tác giả từ nguồn số liệu của World Bank

So với các nước trong khu vực ở cùng một giai đoạn, Việt Nam chỉ tăng trưởng cao hơn chút ít so với các nước trong khu vực Đông Nam Á nhưng cách biệt rất lớn so với Trung Quốc. Trong giai đoạn từ 1990 đến 2012, năng suất Trung Quốc đã tăng gấp 3 lần trong khi đó năng suất Việt Nam chỉ tăng xấp xỉ gấp 2 lần,

các nước còn lại đều tăng xấp xỉ gấp từ 1.7 đến 1.8 lần. Những năm gần đây, một xu hướng đáng lo ngại là tăng trưởng năng suất của Việt Nam đang chậm lại ngay cả so với các quốc gia trong khu vực trong khi Việt Nam vẫn là quốc gia có năng suất thấp hơn các nước khác trong khu vực.

**Hình 3. Tăng trưởng năng suất lao động của một số quốc gia trong khu vực Châu Á**

Nguồn: Tính toán của tác giả từ số liệu của WorldBank

4.2 Tăng trưởng năng suất lao động theo tiếp cận tăng trưởng - chia sẻ

Dưới góc độ tiếp cận tăng trưởng - chia sẻ cho thấy tăng trưởng năng suất của lao động Việt Nam (Bảng 1) giai đoạn 1990 - 2014 đạt xấp xỉ 106.5% với sự đóng góp của hiệu ứng dịch chuyển và hiệu ứng nội ngành có sự khác biệt đáng kể. Trong đó, xét chung cả giai đoạn 1990 - 2014, hiệu ứng dịch chuyển đóng góp khoảng 52% và hiệu ứng nội ngành đóng góp khoảng 70% vào tăng trưởng năng suất lao động trong khi đó hiệu ứng động làm giảm khoảng

22% tăng trưởng năng suất lao động của nền kinh tế.

Hiệu ứng nội ngành dẫn dắt tăng trưởng năng suất trong giai đoạn từ 1990 đến 1995. Năng suất của nền kinh tế tăng mạnh trong giai đoạn này với bình quân luôn xấp xỉ 5% mỗi năm, cao nhất trong giai đoạn 1990 - 2014. Đây là giai đoạn kinh tế Việt Nam đạt mức tăng trưởng tốt nhất, tốc độ tăng trưởng năng suất giai đoạn này đạt cao nhất với trung bình mỗi năm tăng trên 5%.

Bảng 1. Các hiệu ứng dịch chuyển - cấu phần

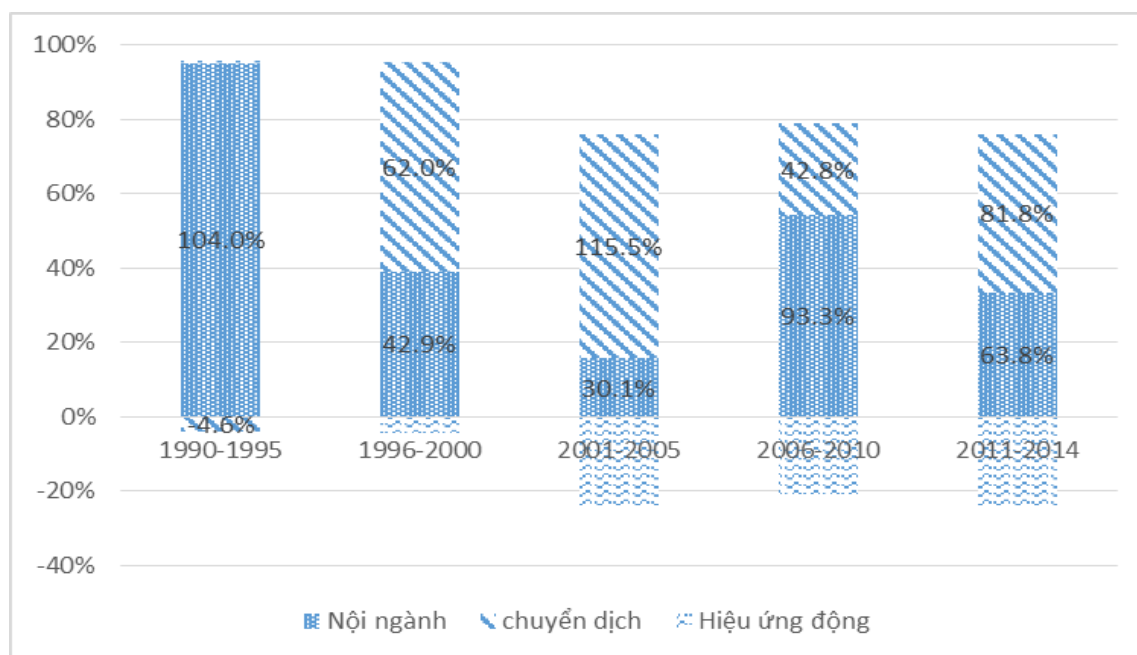
Giai đoạn	Tăng trưởng năng suất lao động của nền kinh tế	Các hiệu ứng của nền kinh tế			Tỷ lệ		
		Nội ngành	chuyển dịch	Hiệu ứng động	Nội ngành	chuyển dịch	Hiệu ứng động
1990-1995	31.92%	33.2%	-1.46%	0.20%	104%	-4.6%	0.6%
1996-2000	21.16%	9.07%	13.11%	-1.02%	42.9%	62.0%	-4.8%
2001-2005	20.89%	6.29%	24.12%	-9.52%	30.1%	115.5%	-45.6%
2006-2010	17.24%	16.08%	7.38%	-6.22%	93.3%	42.8%	-36.1%
2011-2014	15.30%	9.77%	12.52%	-6.98%	63.8%	81.8%	-45.6%
1990-2014	106.51%	74.4%	55.66%	-23.55%	69.9%	52.26%	-22.1%

Nguồn: Theo tính toán của tác giả từ dữ liệu của GSO

Kể từ năm 1996 đến 2005, hiệu ứng nội ngành suy giảm mạnh, trong khi đó phần lớn tăng trưởng năng suất đến từ hiệu ứng chuyển dịch (chiếm 62%). Đồng thời, hiệu ứng động trong giai đoạn này có trị số âm lớn chứng tỏ nền kinh tế Việt Nam trong giai đoạn này chủ yếu mở rộng về quy mô mà ít tăng trưởng về chiều sâu. Điều này cho thấy nền kinh tế phần lớn tăng trưởng dựa trên sự mở rộng các yếu tố đầu vào sản xuất thông qua việc dịch chuyển nguồn lao động từ khu vực có năng suất thấp sang khu vực có năng suất cao hơn là tập trung

vào cải tiến kỹ thuật, du nhập công nghệ. Hơn thế nữa, trong giai đoạn 2001 - 2005 tăng trưởng năng suất nhờ hiệu ứng nội ngành thấp hơn nhiều so với hiệu ứng dịch chuyển cho thấy sự phát triển trong kỹ thuật, công nghệ giai đoạn này là thấp.

Từ năm 2006 đến nay, tăng trưởng năng suất đã dần được cải thiện theo hướng tích cực, theo đó, cả tốc độ tăng năng suất và đóng góp của hiệu ứng nội ngành đều cho thấy có sự chuyển biến mạnh. Đây là một tín hiệu tốt đối với quá trình tái cấu trúc của nền kinh tế.



Hình 4. Đóng góp của các hiệu ứng tăng trưởng năng suất lao động

Nguồn: Theo tính toán của tác giả từ dữ liệu của GSO

Phần lớn tăng trưởng năng suất lao động của nền kinh tế dựa trên sự tăng trưởng trong khu vực dịch vụ trong khi đó khu vực nông nghiệp đóng góp rất thấp cho tăng trưởng mặc dù vẫn chiếm tỷ trọng cao hơn so với công nghiệp trong giai đoạn đầu của quá trình mở cửa. Tính chung cho cả giai đoạn 1990 - 2014, khu vực dịch vụ đóng góp khoảng 52%, khu vực công nghiệp đóng góp khoảng 42%, phần còn lại là đóng góp của khu vực nông nghiệp (chỉ xấp xỉ 6%).

Quá trình này được lý giải khi nền kinh tế Việt Nam những năm 1990 bắt đầu mở cửa và du nhập mạnh các công nghệ và khu vực công nghiệp được mở rộng do đó năng suất tăng nhanh trong giai đoạn này thể hiện sự phát triển của nền kinh tế cả chiều rộng lẫn chiều sâu. Tuy nhiên, vì khu vực dịch vụ tại Việt Nam không được phân tách giữa các dịch vụ tri thức đòi hỏi năng lực và công nghệ, do đó, việc phân tích sự dịch chuyển và tăng trưởng năng suất trong khu

vực này không mang lại nhiều ý nghĩa trong bức tranh về năng suất tại Việt Nam.

Đối với khu vực nông nghiệp. Trong cả giai đoạn 1990 - 2014, năng suất lao động trong khu vực này tăng khoảng 10% rất thấp nếu so với tăng trưởng năng suất lao động chung của nền kinh tế (ở mức hơn 100%). Tuy nhiên điều này không xác nhận vấn đề tăng trưởng thấp từ khu vực nông nghiệp mà nó phản ánh nguồn lực sản xuất của khu vực nông nghiệp bị dịch chuyển mạnh sang các khu vực khác của nền kinh tế. Điều này được chứng minh bằng hiệu ứng dịch chuyển của khu vực nông nghiệp qua các giai đoạn đều âm, tính chung cho 14 năm là khoảng -10%, do vậy. Trong khi đó, hiệu ứng nội ngành trong vòng 14 năm tăng khoảng 20.4% cho thấy năng suất nội tại của khu vực nông nghiệp là đáng kể dù rằng các nguồn lực của nền kinh tế không được tập trung cho sự phát triển khu vực này.

Bảng 2. Các hiệu ứng tăng trưởng - chia sẻ theo khu vực 1

Giai đoạn	Tăng trưởng năng suất lao động ở KV1	Các hiệu ứng tăng trưởng năng suất lao động		
		Nội ngành	Chuyển dịch	Hiệu ứng động
1990-1995	-0.79%	-0.58%	-0.27%	0.06%
1996-2000	2.91%	5.59%	-2.56%	-0.13%
2001-2005	-0.66%	2.22%	-2.67%	-0.22%
2006-2010	6.69%	9.70%	-2.70%	-0.32%
2011-2014	1.85%	3.41%	-1.50%	-0.07%
1990-2014	9.98%	20.35%	-9.70%	-0.67%

Nguồn: Theo tính toán của tác giả từ dữ liệu của GSO

Hai giai đoạn khu vực 1 có hiệu ứng tăng trưởng năng suất nội ngành lớn nhất là giai đoạn 1996 - 2000 và giai đoạn 2006 - 2010, đây là các giai đoạn đã xảy ra các cuộc khủng hoảng kinh tế (1997, 2008) làm gián đoạn quá trình tăng trưởng nóng của nền kinh tế. Trong khi đó, hai giai đoạn này cũng là thời kỳ khu vực có hiệu ứng chuyển dịch chậm, giai đoạn 2006 - 2010, hiệu ứng dịch chuyển của khu vực 2 thậm chí còn mang dấu âm với tỷ lệ lớn.

Trong giai đoạn 2001 - 2005, nền kinh tế tăng trưởng nóng, sự dịch chuyển mạnh mẽ các nguồn lực từ khu vực nông nghiệp sang các khu vực công nghiệp, dịch vụ. Trong đó, khu vực 2 có tăng trưởng năng suất dựa trên hiệu ứng chuyển dịch (khoảng 27%) đi kèm với tác động

âm từ hiệu ứng nội ngành. Điều này cho thấy trong giai đoạn trước khủng hoảng nền kinh tế Việt Nam đã có sự mở rộng mạnh trong khu vực 2, đồng thời chủ yếu tăng trưởng này đều dựa trên sự thu nhận các nguồn lực sản xuất hơn là tăng trưởng năng suất từ sự gia tăng độ sâu công nghệ.

Thời kỳ 1996 - 2000 là giai đoạn phát triển vượt bậc của năng suất ở khu vực khi tăng đến 14.77%, tuy vậy, khu vực có mức tăng trưởng năng suất dựa trên hiệu ứng nội ngành lớn nhất thuộc về giai đoạn 2006 - 2010 khi nền kinh tế gặp khủng hoảng và bắt đầu quá trình tái cấu trúc, do đó, trong giai đoạn này khu vực 2 có mức tăng trưởng năng suất chủ yếu là tăng trưởng năng suất nội ngành (đạt 16.53%).

Bảng 3. Các hiệu ứng dịch chuyển - cấu phần theo khu vực 2

Giai đoạn	Tăng trưởng năng suất lao động ở KV2	Các hiệu ứng			Tỷ lệ		
		Nội ngành	chuyển dịch	Hiệu ứng động	Nội ngành	chuyển dịch	Hiệu ứng động
1990-1995	8.61%	15.41%	-6.55%	-0.25%	178.93%	-76.06%	-2.87%
1996-2000	14.77%	9.22%	5.43%	0.13%	62.38%	36.75%	0.87%

2001-2005	9.53%	-11.23 %	26.79%	-6.03%	-117.77%	280.96%	-63.20%
2006-2010	4.68%	16.53%	-7.64%	-4.21%	353.39%	-163.5%	-89.93%
2011-2014	5.83%	-7.51%	18.44%	-5.09%	-128.82%	316.08%	-87.26%
1990-2014	43.43%	22.41%	36.46%	-15.44%	51.60%	83.95%	-35.55%

Nguồn: Theo tính toán của tác giả từ dữ liệu của GSO

5. KẾT LUẬN

Tăng trưởng luôn là mục tiêu hàng đầu của mọi nền kinh tế. Tăng trưởng cao nhưng đi kèm đó phải là sự tăng trưởng bền vững, chất lượng tăng trưởng như thế nào mới là vấn đề đáng quan tâm. Dù tiếp cận ở bất kỳ khía cạnh nào đi nữa thì năng suất lao động của một nền kinh tế là một chỉ số quan trọng thể hiện mức độ phát triển của nền kinh tế đó. Do đó, chất lượng tăng trưởng của một nền kinh tế được thể hiện một phần qua chất lượng tăng trưởng năng suất của nền kinh tế.

Dựa trên tiếp cận tăng trưởng - chia sẻ, nhóm tác giả thực hiện tính toán trên các dữ liệu thống kê kinh tế Việt Nam từ năm 1990 - 2014. Kết quả từ nghiên cứu này cho thấy:

Thứ nhất, tăng trưởng năng suất của Việt Nam trong 14 năm qua là đáng khích lệ, trong đó, tăng trưởng năng suất trong cả giai đoạn có được nhờ cả hiệu ứng tăng trưởng nội ngành (tăng cường năng lực công nghệ) và hiệu ứng dịch chuyển (mở rộng các yếu tố sản xuất).

Thứ hai, nền kinh tế Việt Nam đã trải qua các giai đoạn tăng trưởng mạnh đi kèm với sự mở rộng của nền kinh tế. Trong các giai đoạn tăng trưởng nóng, tăng trưởng năng suất phụ thuộc vào sự mở rộng của các ngành công nghiệp - dịch vụ dựa trên hiệu ứng dịch chuyển của các yếu tố sản xuất mà ít được chú trọng đến năng lực và độ sâu công nghệ.

Thứ ba, kể từ năm 1990 đến nay, ngành nông

nghiệp là ngành ít được đầu tư và có sự dịch chuyển lớn các yếu tố sản xuất từ nông nghiệp sang các ngành khác trong nền kinh tế, điều này đã tác động tiêu cực đến năng suất trong nông nghiệp, tuy nhiên, năng suất trong nông nghiệp vẫn được cải thiện đáng kể nhờ các hiệu ứng tăng trưởng năng suất nội ngành (tăng cường công nghệ, máy móc).

Dựa trên các kết quả đó, chúng tôi cho rằng để thúc đẩy chất lượng tăng trưởng năng suất của Việt Nam cần chuyển việc chú trọng tăng trưởng nhờ gia tăng vốn đầu tư, khai thác tài nguyên và sử dụng nhiều sức lao động sang mô hình tăng trưởng dựa vào tri thức và công nghệ. Đây là bằng chứng thực nghiệm để các nhà hoạch định chính sách phát triển đưa ra các biện pháp chuyển đổi mô hình tăng trưởng của nền kinh tế, hàm ý rằng cần có chính sách để thúc đẩy sự dịch chuyển trong tăng trưởng năng suất từ chiều rộng sang chiều sâu, nâng cao độ sâu công nghệ trong sản xuất đi cùng với việc tiếp tục duy trì tốc độ tăng năng suất cao nhằm theo kịp các quốc gia khác. Tuy vậy, nghiên cứu này mới chỉ thực hiện tính toán - phân tích ở 3 khu vực chính của nền kinh tế với số quan sát ít, các nghiên cứu tiếp theo cần tiếp tục tính toán - phân tích theo từng cụm ngành hoặc nhóm ngành hàng hay các đối tượng doanh nghiệp khác nhau (doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp nhà nước,...) sẽ mang lại những góc nhìn chi tiết hơn về chất lượng tăng trưởng năng suất lao động của nền kinh tế.

Growth of labor productivity in Vietnam: Approach by shift - share analysis

- **Huynh Ngoc Chuong**

Students of Public Policy - Fulbright Economic Teaching Program (FETP)

- **Le Nhan My**

University of Economics and Law, VNU HCM - Email: myln@uel.edu.vn

ABSTRACT

In 1990s, the economic growth rate of Vietnam reached a high level and was stable. The labor productivity growth is one of the most important indicators of economic growth quality. Using shift-share analysis approach on data obtained from GSO and worldbank, the authors find that the quality of the labor productivity

growth depends on within-sector effect in Vietnam economy. However, the quality of labor productivity growth has been low in recent years. We therefore offer suggestions to improve the quality of labor productivity growth based on enhancing capital - technology intensive.

Key words: Growth, productivity, Vietnam, shift - share.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. BARFF, R. A., & III, P. L. K. Dynamic Shift-Share Analysis. *Growth and Change*, 19(2), 1-10 (1988).
<http://doi.org/10.1111/j.1468-2257.1988.tb00465>.
- [2]. Esteban, J. Regional convergence in Europe and the industry mix: A shift-share analysis. *Regional Science and Urban Economics*, 30(3), 353-364 (2000).
[http://doi.org/10.1016/S0166-0462\(00\)00035-1](http://doi.org/10.1016/S0166-0462(00)00035-1).
- [3]. ILO, & Office, I. L. *Key Indicators of the Labour Market, 2001-2002* (Vol. 4) (2001). Psychology Press. Retrieved from <https://books.google.com/books?id=ypDI MEqxc4C&pgis=1>.
- [4]. Molnar, M., & Chalaux, T. Recent trends in productivity in China. OECD Publishing (2015, May 22).
<http://doi.org/10.1787/5js1j15rj5zt-en> OECD. *Perspectives on Global Development 2014*. OECD Publishing. http://doi.org/10.1787/persp_glob_dev-2014-en.
- [5]. Syrquin, M. Patterns of Structural Change. *Handbook of Development Economics*, (JANUARY 1988), 203-273 (1988).. [http://doi.org/10.1016/S1573-4471\(88\)01010-1](http://doi.org/10.1016/S1573-4471(88)01010-1).